



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 492/2023/ET. KT08-09/170523

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM
Địa chỉ : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu : 02
Ngày quan trắc : 17/05/2023 Ngày hoàn thành thí nghiệm : 26/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	
				KT1	KT2	C	C _{max}
1	CO	mg/Nm ³	ENVI QTHT KT 06	6,8	0,0	1000	1000
2	SO ₂	mg/Nm ³	ENVI QTHT KT 07	2,3	1,9	500	500
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ENVI QTHT KT 10	10,9	1,9	850	850
4	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=7)	KPH (MDL=7)	200	200

Ghi chú:

- KT1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý 2 (Unit 2): Hút khói bụi đỉnh lò, mục đích xử lý khói bụi phát sinh trong quá trình bổ xung hợp kim, chất xúc tác và sục khí, lưu lượng: 50.000 m³/h.
- KT2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý 1 (Unit 1): Hút khói bụi hai cửa nạp liệu lò A – B và cụm máy nghiền xi, lưu lượng: 120.000 m³/h.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

CÁN BỘ QA/QC

Bùi Thị Huế



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Mùi



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH**

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 493/2023/ET. NT10/170523

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM
Địa chỉ : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu** : 01
Ngày quan trắc : 17/05/2023 **Ngày hoàn thành thí nghiệm** : 26/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Tiêu chuẩn KCN Lương Sơn
				NT1		
1	Mùi [#]	-	Phương pháp cảm quan	Không có mùi khó chịu	-	-
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	9,3	50	100
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	20,8	150	400
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	15,6	100	200
5	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	3,11	10	15
6	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	22,4	40	60
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	<0,13 (LOQ=0,13)	0,5	1

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp.
- **QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- **Tiêu chuẩn KCN Lương Sơn:** Tiêu chuẩn quy định về nước thải đầu ra Khu Công Nghiệp Lương Sơn.
- #: Thông số không quy định trong thông tư 10/2021/TT-BTNMT.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

CÁN BỘ QA/QC

Bùi Thị Huế



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Mùi

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm

Quá thời hạn lưu mẫu (10 ngày kể từ ngày trả kết quả), đơn vị phân tích không giải quyết khiếu nại kết quả thí nghiệm

Biểu mẫu: BM 05

(*): Chỉ tiêu theo kết quả của nhà thầu phụ

Lần ban hành: 03



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH**

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 489/2023/ET. K01-02/170523

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM
Địa chỉ : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu : Không khí xung quanh **Số lượng mẫu** : 02
Ngày quan trắc : 17/05/2023 **Ngày hoàn thành thí nghiệm** : 26/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT (TB 1h)
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/ BTNMT	32,5	34,6	-
2	Độ ẩm tương đối	%RH		50,7	48,6	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,7	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,7	65,4	70 ^(a)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	62,1	38,2	300
6	CO	µg/m ³	SOP-QTPT04	<10.000 (LOQ=10.000)	<10.000 (LOQ=10.000)	30.000
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	34,0	32,0	350
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	29,6	31,3	200
9	H ₂ S	µg/m ³	MASA 701	<21 (LOQ=21)	<21 (LOQ=21)	42 ^(b)
10	NH ₃	µg/m ³	MASA 401	34,2	33,0	200 ^(b)
11	CO ₂ ^(#)	mg/m ³	52 TCN 353-89	682	638	-

Ghi chú:

- K1: Cổng ra vào Nhà máy.
- K2: Khu vực bãi để nguyên liệu sản xuất.
- QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- ^(a): Áp dụng theo QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- ^(b): Áp dụng theo QCVN 06:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- ^(#): Thông số không quy định trong thông tư 10/2021/ TT- BTNMT.
- (-): Không quy định.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

CÁN BỘ QA/QC

Bùi Thị Huế



GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Mùi



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH**

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 490/2023/ET. K03-04/170523

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM
Địa chỉ : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu : Không khí xung quanh **Số lượng mẫu** : 02
Ngày quan trắc : 17/05/2023 **Ngày hoàn thành thí nghiệm** : 26/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT (TB 1h)
				K3	K4	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/ BTNMT	37,3	38,4	-
2	Độ ẩm tương đối	%RH		46,2	44,8	
3	Tốc độ gió	m/s		0,6	0,5	
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	64,4	61,5	
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	63,1	45,6	
6	CO	µg/m ³	SOP-QTPT04	<10.000 (LOQ=10.000)	<10.000 (LOQ=10.000)	30.000
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	31,0	33,4	350
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	24,2	33,6	200
9	H ₂ S	µg/m ³	MASA 701	KPH (MDL=7)	KPH (MDL=7)	42 ^(b)
10	NH ₃	µg/m ³	MASA 401	35,0	38,5	200 ^(b)
11	CO ₂ ^(#)	mg/m ³	52 TCN 353-89	682	660	-

Ghi chú:

- K3: Khu vực trạm điện.
- K4: Khu vực đường đi nội bộ trong Nhà máy.
- QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (a): Áp dụng theo QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- (b): Áp dụng theo QCVN 06:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- (#): Thông số không quy định trong thông tư 10/2021/ TT- BTNMT.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

CÁN BỘ QA/QC

Bùi Thị Huế



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Mùi

ENVI TECH



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317

Website: <http://envitech.vn>

Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 491/2023/ET. K04-06/170523

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM

Địa chỉ : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Loại mẫu : Không khí làm việc

Số lượng mẫu : 03

Ngày quan trắc : 17/05/2023

Ngày hoàn thành thí nghiệm : 26/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 03:2019/BYT
				K5	K6	K7	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	26,1	31,4	30,7	32 ^(a)
2	Độ ẩm tương đối	%RH		53,8	50,4	51,1	≥ 40; ≤ 80 ^(a)
3	Tốc độ gió	m/s		<0,4	<0,4	<0,4	1,5 ^(a)
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	58,8	80,5	76,2	85 ^(b)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,054	0,206	0,065	8 ^(c)
6	CO	mg/m ³	SOP-QTPT04	KPH (MDL=3)	<10 (LOQ=10)	<10 (LOQ=10)	40
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,034	0,031	0,030	10
8	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,030	0,027	0,025	10
9	H ₂ S	mg/m ³	MASA 701	<0,021 (LOQ=0,021)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	15
10	NH ₃	mg/m ³	MASA 401	0,031	0,030	0,035	25

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm

Quá thời hạn lưu mẫu (10 ngày kể từ ngày trả kết quả), đơn vị phân tích không giải quyết khiếu nại kết quả thí nghiệm

Biểu mẫu: BM 05

(*): Chỉ tiêu theo kết quả của nhà thầu phụ

Lần ban hành: 03





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317

Website: <http://envitech.vn>

Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 03:2019/BYT
				K5	K6	K7	
11	CO ₂ (#)	mg/m ³	52 TCN 353-89	770	814	792	18.000

Ghi chú:

- K5: Khu vực nhà điều hành.
- K6: Khu vực nhà xưởng sản xuất 1.
- K7: Khu vực nhà xưởng sản xuất 2.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- (a): Áp dụng theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- (b): Áp dụng theo QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- (c): Áp dụng theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- (#): Thông số không quy định trong thông tư 10/2021/TT-BTNMT.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

CÁN BỘ QA/QC

Bùi Thị Huệ



GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Mùi



Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm

Quá thời hạn lưu mẫu (10 ngày kể từ ngày trả kết quả), đơn vị phân tích không giải quyết khiếu nại kết quả thí nghiệm

Biểu mẫu: BM 05

(*): Chỉ tiêu theo kết quả của nhà thầu phụ

Lần ban hành: 03